

1. Question 1 points

Vị trí lưu trữ cơ sở dữ liệu mặc định của ứng dụng trên thiết bị

- ☐ Data/Data/Package_name
- ☐ Data/Apps/ Package_name
- ☒ Data/Data/Package_name/Databases
- ☐ Data/Data/Package_name/Database

2. Question 1 points

Phương thức được sử dụng để tạo thông báo Log trong android là:

- ☐ Log.D()
- ☒ Log.d()
- ☐ Log.r()
- ☐ Log.R()

3. Question 1 points

Android được tích hợp sẵn cơ sở dữ liệu nào?

- ☐ Oracle
- ☐ SQLite
- ☒ SQLite
- ☐ MySQL

4. Question 1 points

Lớp nào sau đây là lớp cha của lớp ứng dụng chính trong Android có giao diện người dùng?

- ☒ Activity
- ☐ AppLet
- ☐ AndroidApp
- ☐ MIDLet

5. Question 1 points

Button Option có thể được chọn từ danh mục Palette nào?

- ☒ Widgets
- ☐ Containers
- ☐ Layouts
- ☐ Textfields

6. Question 1 points

Chức năng của lớp ContentProvider là gì?

- ☒ Để chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng Android
- ☐ Để phân phát các nội dung đa phương tiện
- ☐ Để truy cập thông tin tổng quát về môi trường ứng dụng
- ☐ Để tạo và xuất bản các tệp đa phương tiện

7. Question 1 points

Có thể sử dụng lệnh gọi nào sau đây để khởi động Service từ ứng dụng Android của bạn?

- ☐ runService
- ☒ Đáp án (1) & (2) đều ĐÚNG
- ☐ startService
- ☐ bindService

8. Question 1 points

Khi nào contentProvider được kích hoạt?

- ☐ Sử dụng Intent (1)
- ☐ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI
- ☒ Sử dụng ContentResolver (3)
- ☐ Sử dụng SQLite (2)

9. Question 1 points

Những điểm quan trọng nào của thiết bị mà bạn nên xem xét khi thiết kế và phát triển ứng dụng của mình?

- ☐ Kích thước và độ phân giải màn hình (1)
- ☐ Chức năng nổi bật của thiết bị (3)
- ☐ Cấu hình tối thiểu (2)
- ☒ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG

10. Question 1 points

Sự khác biệt giữa margin và padding in android layout?

- ☐ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI
- ☐ Padding được sử dụng để bù nội dung của chế độ xem cụ thể bằng px hoặc dp (2)
- ☐ Margin là không gian thừa còn lại ở cả bốn phía trong bố cục (1)
- ☒ Đáp án (1) & (2) đều ĐÚNG

11. Question 1 points

Lý do chính để thay thế máy ảo Java bằng máy ảo Dalvik khi bắt đầu dự án là gì?

- ☐ Không đáp ứng đủ bộ nhớ
- ☐ Máy ảo Java chạy chậm
- ☒ Máy ảo Java có phí
- ☐ Máy ảo Java phức tạp khi cấu hình

12. Question 1 points

Sự khác biệt giữa Activity context và Application context?

- ☐ Application context được gắn với vòng đời của một Activity. Trong khi Activity context gắn với vòng đời của ứng dụng (2)
- ☐ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI
- ☒ Activity context được gắn với vòng đời của một Activity. Trong khi Application context gắn với vòng đời của ứng dụng (1)
- ☐ Activity context được gắn với vòng đời của Activity. Trong khi Application context gắn với vòng đời của một ứng dụng (3)

13. Question 1 points

Điều nào sau đây là/phù hợp để lưu trạng thái của ứng dụng Android?

- ☐ Activity.onDestroy()
- ☒ Activity.onPause()
- ☐ Activity.onStop()
- ☐ Activity.onFreeze()

14. Question 1 points

Giới hạn thời gian của broadcast receiver trong Android là gì?

- ☐ 15 sec
- ☐ 1 hour
- ☐ 5 sec
- ☒ 10 sec

15. Question 1 points

Sự khác biệt giữa Android API và Google API ?

- ☐ Android API bao gồm Google Maps và các thư viện khác cho Google. Google API chỉ bao gồm các thư viện Android (2)
- ☒ Google API bao gồm Google Maps và các thư viện khác cho Google. Android API chỉ bao gồm các thư viện Android (1)
- ☐ Đáp án (1) & (2) đều ĐÚNG (3)
- ☐ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI

16. Question 1 points

Lớp cha của Service?

- ☐ Object
- ☐ Context
- ☒ ContextWrapper
- ☐ ContextThemeWrapper

17. Question 1 points

Component nào không được kích hoạt bởi một Intent?

- ☐ activity
- ☐ services
- ☒ contentProvider
- ☐ broadcastReceiver

18. Question 1 points

View nào sau đây là các View mà bạn có thể sử dụng trong cửa sổ của ứng dụng Android?

- ☐ TextView (2)
- ☒ Đáp án (2) & (3) đều ĐÚNG
- ☐ TextBox (1)
- ☐ EditText (3)

19. Question 1 points

Cái nào KHÔNG liên quan đến fragment class?

- ☒ cursorFragment
- ☐ preferenceFragment
- ☐ listFragment
- ☐ dialogFragment

20. Question 1 points

Tập tin nào chịu trách nhiệm thiết lập các quyền, Activity, Service, BroadCast Receiver,...cho ứng dụng?

- ☐ Layout file
- ☐ Strings XML
- ☐ R file
- ☒ Manifest file

21. Question 1 points

Dalvik Virtual Machine (DVM) sử dụng nhân mã nguồn của:

- ☐ Ubuntu
- ☐ Mac OS
- ☒ Linux
- ☐ Windows

22. Question 1 points

Trong giao diện người dùng Android, `onClick` thật sự là

- ☐ class
- ☐ function
- ☐ button
- ☒ property

23. Question 1 points

Trong Table Layout khái niệm cột (column) được hiểu dựa vào đối tượng nào?

- ☐ Thẻ Table Column (1)
- ☐ Thông qua màn hình tương tác (2)
- ☒ Thông qua số lượng view trong Table Row (3)
- ☐ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI

24. Question 1 points

Phần nào được sử dụng trong Android không phải là nguồn mở?

- ☐ Power management
- ☐ Audio driver
- ☒ WiFi? driver
- ☐ Keypad driver

25. Question 1 points

Lớp nào sau đây có thể được sử dụng để xử lý chức năng Bluetooth trên thiết bị?

- ☒ BluetoothAdapter
- ☐ Matcher
- ☐ Adapter
- ☐ Manager

26. Question 1 points

Để tạo một emulator, bạn cần có AVD. Dùng nó để làm gì?

- ☐ Android Virtual Display
- ☒ Android Virtual Device
- ☐ Active Virtual Device
- ☐ Application Virtual Display

27. Question 1 points

Tập tin quy định bố trí màn hình của bạn?

- ☐ Strings XML
- ☐ Tập tin Manifest
- ☐ R file
- ☒ Tập tin Layout

28. Question 1 points

Nếu bạn muốn chia sẻ dữ liệu trên tất cả các ứng dụng, bạn nên chọn cách nào?

- ☐ Shared Preferences
- ☒ Content provider
- ☐ Internal Storage
- ☐ SQLite Databases

29. Question 1 points

Khi phát triển ứng dụng Android, các nhà phát triển có thể test ứng dụng của họ trên?

- ☐ Chương trình giả lập trong Android SDK (1)
- ☐ Điện thoại chạy Android (2)
- ☒ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG
- ☐ Trình giả lập của bên thứ 3 (Youwave, etc.) (3)

30. Question 1 points

Cái gì chạy trong nền và không có thành phần UI?

- ☐ Intents
- ☐ Content Providers
- ☐ Applications
- ☒ Services

31. Question 1 points

Không gian bên ngoài Widget có thể được điều chỉnh bằng cách?

☒ Margins

☐ Height

☐ Weight

☐ Padding

32. Question 1 points

Để hiển thị dữ liệu lên Listview, Spinner... ta phải dùng một bộ chuyển đổi dữ liệu phù hợp, trước khi nạp vào các đối tượng đó, ta gọi nó là:

☐ Bundle

☐ Cursor

☒ Adapter

☐ ContentValues

33. Question 1 points

Bạn có thể sử dụng cách nào sau đây để hiển thị thanh tiến trình trong ứng dụng Android?

☐ ProgressBar (1)

☐ ProgressDialog (2)

☐ ProgressView (3)

☒ Đáp án (1), (2) đều ĐÚNG

34. Question 1 points

Phương thức được gọi khi Service được tạo lần đầu tiên bằng cách sử dụng onStartCommand() hoặc onBind() là:

☐ onStart()

☒ onCreate()

☐ onRestart()

☐ startService()

35. Question 1 points

Vòng đời của Activity trong Android là gì?

☐ onCreate() -> onStart() -> onResume() -> onStop() -> onRestart (1)

☐ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG

☐ onCreate() -> onStart() -> onResume() -> onStop() (2)

☒ onCreate() -> onStart() -> onResume() (3)

36. Question 1 points

Một Activity có thể được coi là tương ứng với những gì?

☐ Một dự án Java

☐ Một đối tượng

☐ Một phương thức

☒ Một lớp Java

37. Question 1 points

Tạo giao diện người dùng (User Interface) trong Android yêu cầu người dùng lưu ý

☐ XML and C++

☐ Java and SQL

☐ Dream weaver

☒ XML and Java

38. Question 1 points

Môi trường Java cần thiết để phát triển được gọi là?

☒ JDK

☐ DEX

☐ DVM

☐ API

39. Question 1 points

Phương thức nào dưới đây để lưu trữ dữ liệu vào Shared Reference

☐ Editor.writer()

☐ SharedReferences.edit()

☒ Editor.commit()

☐ SharedReferences.commit()

40. Question 1 points

Trong android studio, các tùy chọn nhanh có thể được truy cập từ:

☐ Editor tab

☐ Navigation bar

☒ Menu bar

☐ Tool bar

41. Question 1 points

Một loại dịch vụ được cung cấp bởi Android giúp tạo giao diện người dùng là:

- ☐ Content Providers
- ☐ Activity Manager
- ☒ View System
- ☐ Notifications Manager

42. Question 1 points

Tập tin XML nào chứa tất cả văn bản mà ứng dụng của bạn sử dụng?

- ☐ string.java
- ☐ text.xml
- ☐ stack.xml
- ☒ strings.xml

43. Question 1 points

Trong Android Studio, thẻ hiển thị lỗi được gọi là

- ☒ logcat
- ☐ memory
- ☐ ADB logs
- ☐ CPU

44. Question 1 points

Các yêu cầu từ lớp Content Provider được xử lý bằng phương thức nào?

- ☐ onClick
- ☒ ContentResolver
- ☐ onSelect
- ☐ onCreate

45. Question 1 points

Trong android studio, hoạt động chính cho ứng dụng phải được khai báo trong:

- ☒ <intent-filter>
- ☐ <intent>
- ☐ <intent-activity>
- ☐ <intent-layout>

46. Question 1 points

Lớp Dialog trong Android là?

- ☐ AlertDialog (1)
- ☒ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG
- ☐ ProgressDialog (2)
- ☐ DatePickerDialog (3)

47. Question 1 points

Các lớp con trực tiếp của Activity là gì?

- ☐ FragmentActivity (3)
- ☐ ActivityGroup (2)
- ☒ Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG
- ☐ ListActivity (1)

48. Question 1 points

Bạn có thể tắt một activity bằng cách gọi phương thức _____ của nó

- ☐ finishActivity() (2)
- ☒ finish() (3)
- ☐ onDestory() (1)
- ☐ Không phải phương thức (1), (2) và (3)

49. Question 1 points

Không gian tùy chỉnh giữa cạnh của nội dung widget của widget bằng cách sử dụng

- ☐ Weight
- ☐ Height
- ☒ Padding
- ☐ Margins

50. Question 1 points

Nên sử dụng cách nào sau đây để lưu dữ liệu chưa được lưu và giải phóng tài nguyên đang được ứng dụng Android sử dụng?

- ☐ Activity.onShutdown()
- ☐ Activity.onStop()
- ☐ Activity.onPause()
- ☒ Activity.onDestroy()